

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH
THỰC HIỆN DỰ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Bộ phận Tài chính - Kế toán xã báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2023, cụ thể như sau:

I-KẾT QUẢ THU, CHI NGÂN SÁCH HAI CẤP 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Thu ngân sách xã

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN (đồng)	SỐ THỰC HIỆN (đồng)	Tỷ lệ %
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM	12.828.064.771	8.870.090.008	69,15%
I	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%	124.000.000	1.383.343.105	1115,60%
1	Thu phí, lệ phí	17.000.000	7.859.000	46,23%
2	Thu từ quỹ đất công ích và quỹ đất công	75.000.000	41.812.960	55,75%
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
4	Thu phạt, tịch thu theo quy định	-	3.250.000	
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
7	Thu kết dư ngân sách năm trước			
8	Thu khác	32.000.000	1.330.421.145	4157,57%
II	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG THEO TỶ LỆ %	3.196.200.000	355.257.132	11,11%
1	Các khoản thu phân chia	196.200.000	245.877.505	125,32%
1.1	Thuế thu nhập cá nhân	38.400.000	60.920.771	158,65%
1.2	Thuế đất phi nông nghiệp	21.000.000	34.790.940	165,67%
1.3	Thuế môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh	10.000.000	8.200.000	82,00%

1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	12.191.073	24,38%
1.5	Thuế giá trị gia tăng	76.800.000	129.774.721	168,98%
2	Các khoản thu phân chia theo quy định của tỉnh	3.000.000.000	109.379.627	3,65%
2.1	Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	109.379.627	3,65%
-	Đất được nhà nước giao (Xã 15%)	3.000.000.000	46.355.627	1,55%
-	Đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	-	63.024.000	
III	THU CHUYỂN NGUỒN	4.628.877.771	4.628.877.771	100,00%
IV	THU BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	4.878.987.000	2.502.612.000	51,29%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.826.375.000	2.450.000.000	50,76%
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	52.612.000	52.612.000	100,00%

2. Chi ngân sách xã

T T	NỘI DUNG CHI NGÂN SÁCH	SỐ DỰ TOÁN (Đồng)	SỐ THỰC HIỆN (Đồng)	Tỷ lệ %
A.	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	12.828.064.771	3.074.936.842	23,97%
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3.566.054.000	472.415.327	13,25%
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.566.054.000	472.415.327	13,25%
1.1	Công trình trường học	1.500.000.000		0,00%
1.2	Trạm Y tế			
1.3	Trụ sở, Hội trường UBND xã	139.994.000		
1.4	Giao thông	1.000.000.000		0,00%
1.5	Nghĩa trang Liệt sỹ			
1.6	Các công trình khác (ao bơi, nhà văn hóa...)	926.060.000	472.415.327	51,01%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN:	9.262.010.771	2.602.521.515	28,10%
1	Chi quân sự, công an	572.589.748	342.038.040	59,74%
1.1	Chi Công tác Quân sự	314.149.748	210.483.040	67,00%
1.2	Chi an ninh trật tự	258.440.000	131.555.000	50,90%
2	Chi sự nghiệp Y tế	268.823.000	10.900.000	4,05%
3	Chi sự nghiệp văn hoá, văn nghệ	36.000.000	30.873.280	85,76%
4	Chi sự nghiệp thể thao	22.175.000	11.080.000	49,97%

5	Chi sự nghiệp đài truyền thanh	86.399.400	20.462.650	23,68%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	135.595.000	77.742.000	57,33%
6.1	Sự nghiệp giao thông	22.376.000	21.400.000	95,64%
6.2	Sự nghiệp nông nghiệp + Chăn nuôi Thú y	73.641.000	43.967.000	59,70%
6.3	Sự nghiệp môi trường	29.578.000	9.975.000	33,72%
6.4	Chi sự nghiệp thủy lợi	10.000.000	2.400.000	24,00%
7	Chi sự nghiệp giáo dục	17.323.000	1.020.000	5,89%
8	Chi sự nghiệp xã hội	405.787.000	212.756.800	52,43%
8.1	Hưu và trợ cấp hưu xã	362.787.000	195.426.800	53,87%
8.2	Hoạt động chính sách xã hội	30.000.000	9.980.000	33,27%
8.3	Khác	13.000.000	7.350.000	56,54%
9	Chi hoạt động HĐND và UBND xã	2.636.605.460	1.160.534.777	44,02%
9.1	Chi hoạt động Hội đồng nhân dân xã	299.042.500	157.078.650	52,53%
9.2	Chi hoạt động Ủy ban nhân dân	2.337.562.960	1.003.456.127	42,93%
10	Chi hoạt động Đảng CSVN	718.534.758	324.346.808	45,14%
11	Chi hoạt động đoàn thể chính trị - Xã hội	857.702.228	378.796.460	44,16%
11.1	Chi hoạt động MTTQVN	307.747.310	132.464.200	43,04%
11.2	Chi hoạt động đoàn thanh niên	118.671.330	52.920.270	44,59%
11.3	Chi hoạt động hội liên hiệp phụ nữ	129.933.170	46.958.800	36,14%
11.4	Chi hoạt động hội nông dân	165.705.930	88.988.010	53,70%
11.5	Chi hoạt động hội Cựu chiến binh	135.644.488	57.465.180	42,36%
12	Hỗ trợ đoàn thể xã hội khác	74.750.800	31.970.700	42,77%
12.1	Chi hoạt động hội người cao tuổi	21.622.000	11.811.000	54,62%
12.2	Chi hoạt động hội khuyến học	14.728.000	5.364.000	36,42%
12.3	Chi hoạt động hội chữ thập đỏ	12.224.800	4.067.700	33,27%
12.4	Hội thanh niên xung phong	12.728.000	5.364.000	42,14%
12.5	Chi hỗ trợ hội nạn nhân chất độc da cam	12.728.000	5.364.000	42,14%
12.6	Các tổ chức khác	720.000	-	
III	Dự phòng ngân sách	138.523.000	-	0,00%
IV	Nguồn cải cách tiền lương	3.291.202.377	-	0,00%

II-ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách 6 tháng đầu năm là 8.870.090.008 đồng đạt tỷ lệ 69,15 % so với kế hoạch năm..

Nguồn thu chủ yếu là nguồn thu chuyển nguồn từ năm 2022 chuyển sang năm 2023, thu khác ngân sách, thuế thu nhập cá nhân, thuế đất phi nông nghiệp, thuế giá trị gia tăng các chỉ tiêu này cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch năm.

Các khoản thu hưởng 100% trên địa bàn là 1.383.343.105 đồng đạt 1.115,6% so với kế hoạch của năm nguồn thu chủ yếu là nguồn thu khác (tiền nộp phạt công trình điểm hạ tầng dân cư thôn Ngọc Lập). Cần quan tâm đến khoản phí lệ phí của những tháng còn lại để đảm bảo được dự toán giao đầu năm.

Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ % mới đạt 11,11% trong đó chủ yếu do không có nguồn thu từ đấu giá đất do tỷ lệ % về xã thấp và tỷ lệ trúng đấu giá thấp (42 lô đất tại điểm dân cư thôn An Xá mới đấu giá được 3 lô). Chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất mới đạt 3,65%. Các chỉ tiêu đạt kết quả cao như thuế thu nhập cá nhân đạt 158,65%, thuế đất phi nông nghiệp đạt 165,67%, thuế giá trị gia tăng đạt 168,98%. Cần quan tâm đến khoản lệ phí trước bạ nhà đất mới đạt 24,38%,

2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm là 3.074.936.842 đồng đạt 23,97 % so với kế hoạch năm trong đó chi xây dựng cơ bản là 472.415.327 đồng mới đạt 13,25 % so với kế hoạch năm, chi thường xuyên là 2.602.521.515 đồng đạt 28,1% khoản chi này đảm bảo chi trả chế độ con người như lương, phụ cấp, BHXH, BHYT và các khoản chi thường xuyên khác phục vụ ổn định nhiệm vụ của địa phương. Tỷ lệ chi đạt thấp do tỷ lệ chi XDCB thấp và nguồn thực hiện cải cách tiền lương với số tiền 3.291.202.377 đồng đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy- TT HĐND xã
- Lưu VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Phạm Văn Hương